

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày: 20/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Ông Đoàn Văn Phôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/TLST- HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

A, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1987 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp A1, xã A2, thị xã A3 tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B (đã chết) và bà C, sinh năm 1954; anh, chị, em ruột có 07 anh chị em ruột, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; vợ D, sinh năm 1992; con có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không, tiền sự: không; bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/01/2023 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo A: Luật sư bà Đ - Văn phòng luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ1, xã Đ2, thị xã Đ3, tỉnh Tiền Giang.

Bị hại:

E, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp E1, xã E2, thị xã E3, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A, sinh năm 1987, thường trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang có vợ là D, sinh năm 1990, làm đầu thảo hụi, trong số những người tham gia chơi hụi có G, sinh năm 1994, cùng địa chỉ, G hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho D nên hàng tháng D đến nhà của E, sinh năm 1973, cùng địa chỉ (cha của G) để tìm G nhưng không gặp.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/12/2022, D tiếp tục đến nhà anh E để tìm G nhưng cũng không gặp G mà gặp H, sinh năm 1974 (vợ anh E, mẹ của D), hai bên xảy ra cự cãi rồi D điều khiển xe máy về nhà. Khi đến nhà, chị D kể lại cho A nghe về sự việc trên. Khoảng 5 phút sau thì anh E chạy xe đến nhà A và xảy ra cự cãi với A, lúc này A đang làm cơm chiều nên sẵn con dao đang cầm trên tay A chém trúng sau gáy của anh E 01 cái gây thương tích. Thấy anh E bị A chém chảy máu nên chị D chở anh E đến Bệnh viện Đa Khoa khu vực Cai Lậy cấp cứu.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao dài 29 cm, cán dao bằng gỗ dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 18 cm, có 01 bề sắc, mũi dao bằng.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 402/2022/TgT ngày 27/12/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân E là 02 % (Hai phần trăm), thương tích do vật sắc gây nên.

Trong quá trình điều tra, bị cáo A khai nhận toàn bộ hành vi gây thương tích cho anh E phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo A đã tự nguyện khắc phục hậu quả 10.000.000 đồng, bị hại anh E đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo A bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSTXCL ngày 19/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, cha của bị cáo là thương binh, bác ruột của bị cáo là liệt sĩ; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh E đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo A bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 con dao dài 29 cm, cán dao bằng gỗ dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 18 cm, có 01 bề sắt, mũi dao bằng là công cụ phạm tội nên căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo A có ý kiến cho rằng: Thống nhất về tội danh mà phía đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, về các tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, cha của bị cáo là thương binh, bác ruột của bị cáo là liệt sĩ, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt cho bị cáo mà phía đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị hơi nghiêm khắc. Phía người bào chữa cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo Tỏi và xử bị cáo với mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt bị hại E. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của người bị hại việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo Tỏi. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/12/2022 bị cáo A đã có hành vi cầm con dao chém trúng sau gáy của anh E gây thương tích cho anh E với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Sự việc xảy ra tại ấp E1, xã E2, thị xã E3, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo A đã sử dụng con dao chém vào sau gáy anh E được Cơ quan điều tra và tại Tòa xác định là hung khí nguy hiểm theo hướng dẫn tại mục 2 phần 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của

bị cáo là do không kiềm chế cơn nóng giận nên lấy dao chém 01 nhát trúng vào phía sau gáy của anh E. Như vậy, việc bị cáo gây thương tích cho anh E là lỗi cố ý, tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm”. Lời trình bày của bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả xảy ra nhưng vì nóng nảy không kiềm chế, xem thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác mà phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do mình gây ra.

[5] Bị cáo A có hành vi gây thương tích cho anh E nhưng lúc gây thương tích bị cáo không nhắm vào vị trí nguy hiểm trên cơ thể của anh E, không có ý định tước đoạt tính mạng người khác nên không có dấu hiệu tội giết người.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Nên được xem là có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại. Mặt khác, cha của bị cáo là người có công với cách mạng và là thương binh hạng 1/8. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo A. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo A thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo Tội với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử lý bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú vẫn đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh E đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo A bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 con dao dài 29 cm, cán dao bằng gỗ dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 18 cm, có 01 bề sắt, mũi dao bằng là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

[13] Xét ý kiến và đề nghị của phía người bào chữa cho bị cáo A là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần lời đề nghị của phía người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao dài 29 cm, cán dao bằng gỗ dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 18 cm, có 01 bề sắt, mũi dao bằng .

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2023).

3. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

